TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS - PT
Ngày 26-3-2019
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Chinh

2. Bà Hoàng Lan Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Sinh năm: 1930 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Khắc H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. " Có mặt"

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C (Nguyễn Văn C) - Sinh ngày: 09/02/1959 " Có mặt"

Bà Lê Thị A - Sinh năm: 1968 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc D - Sinh năm: 1963 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP Thanh Hóa

3.2. Bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm: 1969 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

33. Ông Nguyễn Ngọc T - Sinh năm: 1975 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP Thanh Hóa

3.4. UBND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Đường Yên Ngựa, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình H - Phó Giám đốc Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố (Theo văn bản ủy quyền số 5018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018) " Vắng mặt"

3.5. Anh Nguyễn Ngọc H1 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn V nay là thôn Đ, xã Đ, TP Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04, diện tích 592m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 392m^2 đất vườn) là của bố mẹ chồng bà cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Ngọc D. Đăng ký sổ mục kê 299 tên ông D (chồng bà), sổ mục kê năm 1993 đứng tên bà. Năm 1984 chồng bà chết, không để lại di chúc, cả gia đình bà và hai con trai là Nguyễn Ngọc Cvà Nguyễn Ngọc T cùng ở trên diện tích đất này, nhưng đến năm 1993 ông Nguyễn Ngọc C đã tự ý kê khai đứng tên toàn bộ diện tích đất 592m^2 với ý định chiếm đoạt tài sản đuổi mẹ đẻ và em trai nhằm chiếm đoạt đất. Tháng 3/2016 ông Ckhởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử bác đơn khởi kiện và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C. Tại bản án phúc thẩm số 54/2016 ngày 11/7/2016 đã tạm giao diện tích 74,8m^2 đất cho bà và vợ chồng ông T quản lý sử dụng, tạm giao diện tích 321,9m^2 cho ông Nguyễn Ngọc C quản lý sử dụng. Nay Bà T khởi kiện buộc ông C, bà A phải trả lại cho bà 592m^2 đất tại Thôn V, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc T T bày:

Nguồn gốc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04 là do ông bà nội là ông Nguyễn Văn Dênh và bà Lê Thị H để lại cho ông D và bà T từ năm 1954. Đến năm 1984 ông D chết không để lại di chúc. Diện tích đất bị Nhà nước thu hồi 195,3m^2, toàn bộ số tiền mà Nhà nước thu hồi, ông C đã nhận hết, hiện nay ông và Bà T đang sử dụng 74,8m^2, ông Cđang sử dụng 321,9m^2. Nay được sự ủy quyền của bà T, ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C phải giao lại diện tích đất 321,9m^2 cho bà T.

Đối với hành vi của UBND thành phố Thanh Hóa về việc chi trả đền bù sai đối tượng, do UBND thu hồi số diện tích đất ở 70,7m^2 nhưng lại đền bù cho ông C số tiền 127.260.000đ, bà T đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để yêu cầu hủy hành vi hành chính, vụ án này TAND tỉnh Thanh Hóa đang tạm đình chỉ để chờ Tòa án thành phố Thanh Hóa giải quyết, nay ông T đồng ý với quan điểm của UBND thành phố Thanh Hóa đã có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả lại tiền cho UBND, UBND thành phố Thanh Hóa là người có trách nhiệm phải thanh toán số tiền trên cho bà T. Nếu Tòa án xử

chấp nhận yêu cầu của Bà T buộc UBND thành phố Thanh Hóa trả cho Bà T số tiền 127.260.000đ thì Bà T và ông sẽ đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để rút đơn khởi kiện vụ án hành chính.

Ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Ông là người được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, việc UBND cấp giấy chứng nhận cho ông là hợp pháp, ông là người thực hiện nghĩa vụ đóng thuế hàng năm cho Nhà nước theo quy định, ông C cho rằng bà T khởi kiện đòi tài sản là không đúng, nay ông đồng ý cho bà T mượn trên 70m^2 đất để ở, khi nào bà chết phải trả lại cho ông. Ông C đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của bà T.

Đối với yêu cầu của UBND thành phố Thanh Hóa yêu cầu ông phải trả số tiền 127.260.000đ là không đúng, vì ông là người được sở hữu hợp pháp số tiền này. Nên ông Cđề nghị Tòa án xử bác đơn yêu cầu của UBND thành phố Thanh Hóa.

Toà án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Lê Thị A, Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, triệu tập bà A đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên hoà giải, tuy nhiên bà A không chấp hành theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án và cũng không có bất cứ ý kiến gì về việc khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Ngọc D , bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04 là do ông bà nội của ông, bà để lại cho ông D, Bà T từ năm 1954. Ông D và Bà T có 4 người con là Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc D , Nguyễn Ngọc T và bà là Nguyễn Thị T1. Năm 1984 ông D chết không để lại di chúc. Năm 2016 ông C khởi kiện tranh chấp thì gia đình mới biết là ông Cđã tự ý đi làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm mục đích chiếm đoạt. Sau đó Tòa án đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C, với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông D và bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại diện tích đất cho mẹ là bà Phạm Thị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Trọng H1 có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh H1 không có ý kiến trình bày gì.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Thanh Hóa, với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên có yêu cầu độc lập, ông Dương Đình H trình bày:

Thực hiện Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình đường giao thông ngã Ba Voi thành phố Thanh Hóa đi thị xã Sầm Sơn.

Ngày 19/9/2014, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành các Quyết định thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án, việc phê duyệt phần dự toán bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đối với hộ bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C đều trú tại thôn V, xã Đ, thành phố Thanh Hóa. Tại Quyết định phê duyệt hỗ trợ về đất, bà Phạm Thị T được bồi thường số tiền 127.260.000đ.

Ngày 14/01/2016, Ban giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố Thanh Hóa đã chi trả tiền bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C là con trai của bà Phạm Thị T, do ông C cam kết: (Sau khi có kết quả của Tòa án nhân dân thành phố nếu phần tiền tôi đã nhận thuộc về bà T, tôi có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên cho bà T). Tuy nhiên khi có kết quả giải quyết của TAND tỉnh Thanh Hóa nhưng ông Cvẫn cố tình không giao lại số tiền trên cho bà T.

Vậy UBND thành phố Thanh Hóa buộc ông Nguyễn Ngọc C phải hoàn trả lại số tiền đã nhận 127.260.000đ cho UBND thành phố Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị:

Nguồn gốc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04, diện tích 592m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 392m^2 đất vườn) đã được cơ quan có thẩm quyền và bản án phúc thẩm số 54/2016 ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xác định: Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông D cho ông D và bà T, nên TAND tỉnh Thanh Hóa đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện X đã cấp cho ông C. Do đó bà T khởi kiện để đòi lại tài sản là đúng.

Bà T là người được hưởng ½ diện tích, sau khi đối trừ phần diện tích bà T đang sử dụng và số diện tích đất mà nhà nước thu hồi, bà T còn thiếu 150,5m^2, do đó đề nghị Tòa án xét xử buộc ông C phải trả lại diện tích còn thiếu 150,5m^2 đất cho bà T. Đối với số tiền do Nhà nước thu hồi đất và đền bù giá trị về đất 127.260.000đ, buộc ông C phải trả lại số tiền này cho UBND thành phố Thanh Hóa để UBND thành phố Thanh Hóa trả cho bà Phạm Thị T.

Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: Điều 166; Điều 213 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2, khoản 6 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc C, bà Lê Thị A phải giao cho bà Phạm Thị T 106,7 m^2 đất, (trong đó có 4,7m^2 đất ở trị giá 37.600.000đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) và 102m^2 đất vườn trị giá 408.000.000đ (Bốn trăm lẻ tám triệu đồng).

Vị trí thửa đất 93m^2 giao cho bà T có tứ cận: Phía Bắc giáp với phần đất bà T và gia đình ông T đang quản lý sử dụng; Phía Nam giáp với đất nhà bà T2; Phía Đông giáp với nhà ở của ông C; Phía Tây giáp với nhà ở của anh H1. Và giao phần đất tiếp giáp phía trước và phía sau của nhà bếp và bể nước của bà T có diện tích: Phía trước có diện tích 6m^2; phía sau có diện tích 7,7m^2.

(Toàn bộ diện tích chia cho bà Phạm Thị T được thể hiện tại bản sơ đồ chia cụ thể kèm theo).

Gia đình ông Nguyễn Ngọc C và anh Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng nổi trên phần đất chia cho bà T, đồng thời có nghĩa vụ chặt phá toàn bộ cây cối trên phần đất chia cho bà T trước khi thi hành án.

Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ làm thủ tục để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất thực tế bà và ông T đang quản lý sử dụng và diện tích đất 106,7 m^2 đất buộc gia đình ông C trả cho bà, theo quy định của Luật đất đai.

- Trích công sức cho ông Nguyễn Ngọc C 43,8m^2 đất vườn trị giá 175.200.000đ. Phần diện tích của ông D còn lại 171,4m^2 và số tiền do ông C nhận khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 124,6m^2 đất ở, do các đương sự không có yêu cầu chia di sản thừa kế hoặc chia tài sản chung nên tiếp tục tạm giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C quản lý sử dụng.

Ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ làm thủ tục để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất được trích công sức theo quy định của Luật đất đai

2. Buộc UBND thành phố Thanh Hóa phải thanh toán cho bà Phạm Thị T giá trị phần diện tích đất thu hồi 70,7m^2 là 127.260.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải trả lại cho UBND thành phố Thanh Hóa số tiền 127.260.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Bà T và UBND thành phố Thanh Hóa có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông C không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành, thì hàng tháng ông C còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc C và bà Lê Thị A phải chịu 33.922.000đ (Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

UBND thành phố Thanh Hóa phải chịu 6.363.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.180.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0005548 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, UBND thành phố Thanh Hóa còn phải nộp 3.183.000đ.

Bà Phạm Thị T được miễn toàn bộ án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 16/11/2018, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T.

*Ngày 26/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa kháng nghị, với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng UBND TP Thanh Hóa không pH chịu án phí là 6.363.000đ .

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo; Viện kiểm sát không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa về phần án phí. Tạm giao cho ông Nguyễn Ngọc C diện tích đất tăng là 53,9m^2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời T bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo:

Nguồn gốc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04, diện tích 592m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 392m^2 đất vườn) là của bố mẹ ông D cho ông D và bà T, nên TAND tỉnh Thanh Hóa đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện X đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc C theo bản án phúc thẩm số 54/2016 ngày 11/7/2016. Do đó bà T khởi kiện đòi lại tài sản và Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà T. Theo đó, bà T được quyền quản lý, sử dụng 181,5 m^2 đất (sau khi đã trừ diện tích 70,7 m^2 đất ở đã bị thu hồi và 43,8 m^2 đất vườn trích công sức cho ông C) là phù hợp. Do đó, việc ông C đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà T là không có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo của ông C.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm trích công sức cho ông C diện tích 43,8 m^2 đất vườn và tạm giao phần diện tích đất của ông D 171,4m^2 cho ông C nhưng chưa xác định diện tích đất trên ở vị trí nào của thửa đất. Ngoài ra, còn 53,9 m^2 diện tích đất tăng Tòa sơ thẩm cũng chưa giao cho ai. Do ông C đang quản lý sử dụng và ông T, ông D , bà T1 cũng đồng ý tạm giao cho ông C nên tạm giao diện tích đất tăng 53,9 m^2 cho ông C là phù hợp. Do đó, ông C được quản lý, sử dụng 269,1 m^2 (Trong đó gồm 43,8 m^2 đất vườn trích công sức cho ông C + diện tích của ông D còn lại 171,4m^2 + diện tích đất tăng 53,9 m^2).

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

Theo khoản 6 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án quy định: *"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lậpphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này

Tòa án đã chấp nhận yêu cầu độc lập của UBNDTP Thanh Hóa, buộc ông C phải trả lại 127.260.000đ cho UBNDTP Thanh Hóa; tức là ông C phải chịu án phí. Bản án sơ thẩm quyết định ông C phải chịu án phí đối với khoản tiền này là đúng; nhưng buộc cả UBNDTP Thanh Hóa chịu án phí là không đúng. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, theo đó UBND TP Thanh Hóa không phải chịu án phí DSST.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: UBND TP Thanh Hóa không phải chịu án phí DSST; trả lại cho UBND TP Thanh Hóa số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với phần bà T được hưởng về đất gồm: 37.600.000đ + 408.000.000đ là không đúng; bởi vì căn cứ khoản 2 Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Đương sự phải chịu án phí DSST như trường hợp vụ án có giá ngạch đối với phần giá trị mà mình được hưởng"*. Do đó, đối với phần bà T được hưởng thì Bà T pH chịu án phí DSST có giá ngạch, nhưng do bà T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

Ông C phải chịu án phí giá ngạch đối với phần đất ông C được hưởng là 43,8m^2 = 175.000.000đ và 127.260.000đ tiền bồi thường về đất ông C phải trả lại cho UBND TP Thanh Hóa. Như vậy, ông C phải chịu án phí DSST là 15.123.000đ, nhưng do ông C là người cao tuổi nên không pH chịu án phí DSST có giá ngạch.

Án phí DSPT: Kháng cáo của ông C không được chấp nhận nhưng do ông C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS.

* Căn cứ vào Điều 166; Điều 213 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 6 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C về việc đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc tạm giao, vị trí đất của đương sự và án phí dân sự có giá ngạch đối với ông Nguyễn Ngọc C và bà Lê Thị A.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa về phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với UBND TP Thanh Hóa.

Tuyên xử:

1. Về đất:

- Giao cho bà Phạm Thị T tổng diện tích là 181,5m^2 (Trong đó bà đang quản lý sử dụng 74,8m^2; Buộc ông Nguyễn Ngọc C, bà Lê Thị A phải giao cho bà Phạm Thị T 106,7 m^2 đất (trong đó có 4,7m^2 đất ở trị giá 37.600.000đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) và 102m^2 đất vườn trị giá 408.000.000đ (Bốn trăm lẻ tám triệu đồng). Có tứ cận như sau: (có sơ đồ kèm theo).

Phía Bắc giáp đường Voi;

Phía Đông giáp đất tạm giao cho ông C;

Phía Nam giáp ngõ đi nhà anh H1 và giáp đất bà T3;

Phía Tây giáp nhà ở anh H1 và đất bà X.

Gia đình ông Nguyễn Ngọc C và anh Nguyễn Trọng H1 có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng nổi trên phần đất chia cho bà T, đồng thời có nghĩa vụ chặt phá toàn bộ cây cối trên phần đất chia cho bà T trước khi thi hành án.

- Trích công sức cho ông Nguyễn Ngọc C 43,8m^2 đất vườn trị giá 175.200.000đ. Có tứ cận như sau: (có sơ đồ kèm theo).

Phía Bắc giáp đường Voi;

Phía Đông giáp đất ông M;

Phía Nam giáp nhà ở ông C;

Phía Tây giáp đất tạm giao cho ông C.

- Tạm giao cho ông C phần diện tích của ông D là 171,4m^2 đất vườn + phần diện tích đất tăng 53,9m^2 đất vườn và số tiền do ông C nhận khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 124,6m^2 đất ở. Do các đương sự không có yêu cầu chia di sản thừa kế hoặc chia tài sản chung nên tiếp tục tạm giao cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C quản lý, sử dụng là 225,3m^2, trên đất có nhà của ông C và anh H1; được chia thành hai khu. Có tứ cận như sau: (có sơ đồ kèm theo).

Khu 1:

Phía Bắc giáp đường Voi và giáp đất chia cho bà T;

Phía Đông giáp đất ông M;

Phía Nam giáp đất bà T3;

Phía Tây giáp đất chia cho bà T.

Khu 2:

Phía Bắc giáp đất bà X;

Phía Đông giáp đất chia cho bà T;

Phía Nam giáp đường bê tông của thôn;

Phía Tây giáp đất bà G.

* Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất được chia theo quyết định của Bản án.

2. Tiền bồi thường về đất:

- UBND thành phố Thanh Hóa phải thanh toán cho bà Phạm Thị T giá trị phần diện tích đất thu hồi 70,7m^2 là 127.260.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải trả lại cho UBND thành phố Thanh Hóa số tiền 127.260.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Bà T và UBND thành phố Thanh Hóa có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông C và UBND thành phố Thanh Hóa không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành, thì hàng tháng ông C và UBND thành phố Thanh Hóa còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C được miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho UBND thành phố Thanh Hóa 3.180.000đ (Ba triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2016/0005548 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí DSPT: Ông Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí DSPT, trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ ông C đã nộp theo biên lai thu số 0006584 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh **Hoàng Lan Phương** **Lê Thị Thủy**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy